

NHỮNG BÁT CẬP TRONG VIỆC THỰC THI CHÍNH SÁCH THUẾ & HẢI QUAN ẢNH HƯỞNG TỚI MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ

*Chuẩn bị bởi
Nhóm Công Tác Thuế/Hải Quan*

Trong thời gian vừa qua, Chính phủ thực sự quan tâm đến việc đổi mới môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp, cải cách hành chính, thu hút đầu tư và thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội. Để tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị bao gồm Chỉ thị số 20/CT-TTg và Chỉ thị số 07/CT-TTg, Thủ tướng Chính phủ cũng đã yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp được giao: điển hình là các dự án Luật sửa đổi các Luật về thuế, tháo gỡ ngay những vướng mắc cho doanh nghiệp về thuế; chính sách thu thuế và chế độ kế toán đơn giản, phù hợp với doanh nghiệp nhỏ, đặc biệt là doanh nghiệp được chuyển đổi từ hộ kinh doanh; sửa đổi Luật chứng khoán nhằm cải thiện các điều kiện đầu tư gián tiếp nước ngoài. Tuy nhiên theo quan sát của chúng tôi, Vẫn còn những tồn đọng trong việc thực thi chính sách về thuế và hải quan làm ảnh hưởng đến động cơ và tâm lý của các nhà đầu tư khi gia nhập thị trường hoặc mở rộng đầu tư ở Việt Nam. Những vấn đề này đã được đề xuất nhiều lần nhưng vẫn chưa được giải quyết thỏa đáng và trở thành vấn đề vướng mắc kéo dài của nhiều doanh nghiệp.

1. Bảo hộ đầu tư

Vấn đề:

Đối với nhà đầu tư, các loại Giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp có ý nghĩa như một bản cam kết giữa Chính phủ Việt Nam với nhà đầu tư. Đây là tài liệu quan trọng đảm bảo cho hoạt động đầu tư của họ vào Việt Nam. Pháp luật đầu tư luôn khẳng định nguyên tắc bảo hộ đầu tư, theo đó trường hợp quy định mới có ưu đãi đầu tư thấp hơn so với mức ưu đãi đã được quy định tại giấy phép, nhà đầu tư được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư theo quy định như đã nêu tại giấy phép.

Tuy nhiên, trên thực tế, có nhiều trường hợp doanh nghiệp đã được cấp giấy phép với mức ưu đãi cụ thể và đã thực hiện theo đúng nội dung ưu đãi này. Nhưng khi cơ quan thuế vào kiểm tra, cơ quan thuế lại từ chối áp dụng, phủ nhận những ưu đãi mà doanh nghiệp đã được cấp. Trong một số trường hợp, cơ quan thuế cho rằng cơ quan cấp phép đã làm sai khi cấp những ưu đãi đó cho nhà đầu tư nhưng lại yêu cầu doanh nghiệp nộp số thuế bổ sung, lãi chậm nộp và thậm chí còn yêu cầu doanh nghiệp nộp phạt do kê khai sai thuế.

Từ phương diện nhà đầu tư, họ cho rằng Chính phủ đã không thực hiện đúng như cam kết, không tôn trọng nguyên tắc bảo hộ đầu tư, và cho rằng cơ quan thuế đang bắt doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm, chịu thiệt hại đối với lỗi sai do chính cơ quan chính phủ gây ra. Những tình huống như vậy thường gây bức xúc lớn và mất lòng tin của các nhà đầu tư, họ sẽ lên tiếng tại các diễn đàn và cộng đồng các nhà đầu tư, theo đó, ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường đầu tư và khả năng thu hút các nhà đầu tư mới. Thực tế là có những trường hợp gây khiếu kiện kéo dài.

Đề xuất:

Trường hợp cơ quan Nhà nước Việt Nam cấp phép ghi sai ưu đãi thuế trên Giấy chứng nhận đầu tư thì đó nên là trách nhiệm của cơ quan cấp phép, doanh nghiệp không nên vì vậy mà bị buộc phải gánh hậu quả. Theo đó, việc ưu đãi Thuế đối với các Doanh nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư nên được thực hiện theo Giấy chứng nhận đầu tư đã cấp nếu đã đảm bảo điều kiện được hưởng ưu đãi. Trường hợp cơ quan cấp phép rà soát thấy Giấy chứng nhận đầu tư cấp bị sai thì nên có giải thích với nhà đầu tư để sửa đổi điều khoản ghi sai, khi đó Doanh nghiệp sẽ chỉ

phải thực hiện tính thuế theo Giấy chứng nhận điều chỉnh kể từ ngày điều chỉnh ghi trên Giấy chứng nhận đầu tư.

2. Tôn trọng cam kết của Chính phủ Việt Nam khi gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (“WTO”)

Vấn đề:

Trên thực tế, ưu đãi của một số nhà đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam nhưng lại bị bác bỏ, mặc dù giấy phép đã ghi rõ trên đó các ưu đãi đầu tư (kể cả ưu đãi thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN)). Những ưu đãi trên Giấy chứng nhận đầu tư hoàn toàn phù hợp với cam kết của Chính phủ Việt Nam khi gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (“WTO”) theo ghi nhận tại Mục 279 Trang 104 Báo cáo của Ban công tác về việc Việt Nam gia nhập WTO như sau: “Các ưu đãi đầu tư được hưởng và thời hạn áp dụng ưu đãi đầu tư đó được quy định rõ trong Giấy phép đầu tư”. Đây thực sự là một vấn đề lớn vì nhà đầu tư luôn tin tưởng rằng Giấy CNĐT được cấp hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam là văn bản pháp lý cao nhất liên quan đến việc thành lập và hoạt động của Dự án, thể hiện sự cam kết từ phía Nhà nước Việt Nam về một môi trường đầu tư hấp dẫn, minh bạch. Nhà đầu tư nước ngoài cũng đã căn cứ vào Giấy CNĐT và các ưu đãi thuế TNDN để đưa ra các quyết định về phát triển và tăng vốn đầu tư ở Việt Nam.

Ngoài ra, chúng tôi cũng được biết rằng đây là vấn đề đang vướng mắc của một số nhà đầu tư, nhưng dường như cơ quan thuế mới chỉ xem xét cho một vài nhà đầu tư từ một số quốc gia, chứ chưa giải quyết đồng bộ và nhất quán vấn đề này. Điều này đi ngược với Nguyên tắc Tối huệ quốc được quy định cụ thể tại Luật Đầu tư 2005 và tại Luật Đầu tư 2014 hiện hành, cụ thể là tại Khoản 4 Điều 5 Luật Đầu tư 2014 theo đó “Nhà nước đối xử bình đẳng giữa các nhà đầu tư; có chính sách khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh, phát triển bền vững các ngành kinh tế.”

Đề xuất:

Đề nghị cơ quan thuế địa phương tôn trọng các cam kết của Chính phủ Việt Nam khi gia nhập WTO cũng như thực hiện đúng nguyên tắc đối xử bình đẳng giữa các nhà đầu tư.

3. Hoàn thuế Giá trị Gia tăng (GTGT)

Vấn đề:

Quy định của pháp luật thuế thay đổi liên tục nhằm bắt kịp sự phát triển của nền kinh tế nói chung và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói riêng. Tuy nhiên, chính sách thuế không thể rõ ràng trong mọi tình huống và có thể có những cách hiểu khác nhau. Do đó, việc áp dụng chính sách thuế cần dựa trên tính hợp lý và đạo lý thuế nói chung. Về nguyên tắc và đạo lý thuế, thuế GTGT không phải là doanh thu, chi phí của bất kỳ bên nào. Trong các văn bản pháp quy, Chính phủ cũng đưa hướng dẫn về các trường hợp hoàn thuế GTGT đầu vào. Tuy nhiên, trên thực tế, cơ quan thuế địa phương dường như tìm mọi cách để bắt lỗi doanh nghiệp, từ chối cho phép doanh nghiệp được hoàn thuế nhằm mục đích tăng thu thuế, mà không xem xét đến bản chất kinh tế của giao dịch.

Cơ quan thuế và cơ quan hải quan đã cố ý vin vào những lỗi sai hành chính của người trả thuế và thậm chí còn đi ngược lại bản chất kinh tế của vụ việc và tước đi quyền được hoàn thuế của doanh nghiệp. Ví dụ doanh nghiệp bị từ chối hoàn thuế vì hồ sơ hoàn thuế nộp chậm hoặc kê khai nhầm biểu mẫu hoàn thuế, mặc dù doanh nghiệp đã thực hiện điều chỉnh bổ sung cho đúng với các quy định trong văn bản pháp quy cũng như yêu cầu của cơ quan thuế và cơ quan hải quan.

Về vấn đề hoàn thuế cho doanh nghiệp đang trong giai đoạn đầu tư: xuyên suốt trong các văn bản quy định về thuế GTGT từ trước đến nay là cơ sở kinh doanh đang trong giai đoạn đầu tư sẽ được hoàn thuế GTGT đầu vào nếu số thuế GTGT đầu vào chưa khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên. Đây là một điểm tốt trong chính sách, giúp cải thiện dòng tiền cho doanh nghiệp trong giai đoạn đầu tư do số thuế GTGT phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản thường là khá lớn. Tuy nhiên, dường như quy định đang phân biệt trong việc hoàn thuế đối với doanh nghiệp đầu tư mới và doanh nghiệp đầu tư mở rộng khi không cho phép hoàn thuế đối với dự án đầu tư mở rộng dù vẫn đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản mà sẽ phải thực hiện kết chuyển thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư để bù trừ với việc kê khai thuế GTGT của hoạt động sản xuất kinh doanh đang thực hiện. Và sau khi bù trừ nếu số thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên thì mới được hoàn thuế GTGT cho dự án đầu tư.

Ngoài ra, từ ngày 1 tháng 7 năm 2016, thuế GTGT đầu vào phát sinh đối với hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu là không được phép hoàn theo hiệu lực của Nghị định 100/2016/NĐ-CP. Điều này đã tạo nên quan ngại cho nhiều doanh nghiệp có số thuế GTGT đầu vào mà chưa được khấu trừ hết có giá trị lớn. Ghi nhận vấn đề này, Nghị định 146/2017/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2018 đã bổ sung quy định về hoàn thuế cho thuế GTGT đầu vào nói trên nếu thỏa mãn những điều kiện nhất định.

Như vậy có nghĩa là, từ thời điểm sau khi Nghị định 146 có hiệu lực, doanh nghiệp mới được xin hoàn thuế GTGT cho hoạt động nhập khẩu để xuất khẩu. Tuy nhiên, quy định không rõ ràng cho việc doanh nghiệp có được xin hoàn cho toàn bộ số thuế GTGT đầu vào lũy kế đến thời điểm xin hoàn (bao gồm cả số thuế đầu vào phát sinh trong giai đoạn từ 1/7/2016 đến 1/2/2018).

Do thiếu hướng dẫn cụ thể, trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 1 tháng 2 năm 2018, thuế GTGT đầu vào phát sinh từ hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất cho doanh nghiệp chế xuất hoặc xuất khẩu ra nước ngoài mà chưa được khấu trừ nhiều khả năng bị cơ quan thuế xem như là đối tượng không được hoàn thuế.

Đề xuất:

- Việc hoàn thuế GTGT trong giai đoạn đầu tư nên được thực hiện đồng bộ cho doanh nghiệp có dự án đầu tư mới và doanh nghiệp đang hoạt động có dự án đầu tư mở rộng, miễn là doanh nghiệp thỏa mãn điều kiện có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên. Không nên có sự phân biệt giữa dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng vì trong cả hai trường hợp, dòng tiền vốn mà nhà đầu tư phải bỏ ra và số thuế GTGT phát sinh trong giai đoạn này đều tương đối lớn nên việc cho phép được hoàn thuế trong giai đoạn này sẽ giúp cải thiện dòng tiền cho nhà đầu tư, khuyến khích việc nhà đầu tư tái đầu tư, mở rộng sản xuất, kinh doanh.
- Trong việc xem xét bản chất kinh doanh và đạo lý thuế, doanh nghiệp hoạt động nhập khẩu để xuất khẩu nên được xem là thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT đầu vào vì các hàng hóa này không được tiêu dùng tại Việt Nam. Quy định tại Nghị định 100 là một sự sơ xuất trong quá trình soạn thảo nghị định vì không đưa ra hướng dẫn rõ ràng và phù hợp đối với hoạt động này dễ gây hiểu lầm thậm chí đi ngược lại đạo lý thuế.

Vì vậy, việc sửa đổi tại điều khoản này tại Nghị định 146 là hoàn toàn hợp lý và theo đó Chính phủ, Bộ Tài chính nên có hướng dẫn để doanh nghiệp được hoàn cho toàn bộ số thuế đầu vào phát sinh chưa được khấu trừ hết trong giai đoạn từ 1/7/2016 đến 1/2/2018.

4. Thuế GTGT đối với sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa qua chế biến

Vấn đề:

Theo quy định tại khoản 1, Điều 1, Nghị định 146/2017/NĐ-CP, sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT. Sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến trực tiếp từ nguyên liệu chính là tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản xuất sản phẩm trừ lên trừ các trường hợp được quy định cụ thể tại khoản 1, Điều 1 (ví dụ sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản do cơ sở kinh doanh trực tiếp khai thác và chế biến mà trong quy trình chế biến đã thành sản phẩm khác sau đó lại tiếp tục chế biến ra sản phẩm xuất khẩu (quy trình chế biến khép kín hoặc thành lập phân xưởng, nhà máy chế biến theo từng công đoạn) thì sản phẩm xuất khẩu này thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 Luật thuế GTGT. Tuy nhiên, không có hướng dẫn cụ thể về cách hiểu “sản phẩm khác” được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản khai thác cũng như cách tính tỷ trọng 51%.

Đề xuất:

Do vấn đề này ảnh hưởng lớn đến quyền lợi của doanh nghiệp và trên thực tế, do không có đầy đủ các hướng dẫn cụ thể mà cơ quan thuế ở một số địa phương đã từ chối việc hoàn thuế GTGT của doanh nghiệp, nên Bộ Tài chính nên sớm đưa ra văn bản pháp lý ở cấp Thông tư về cách tính tỷ trọng 51% cũng như định nghĩa cụ thể thế nào là “sản phẩm khác” được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản khai thác tránh tình trạng cơ quan thuế cố tình đưa ra cách diễn giải mang tính bất lợi cho người nộp thuế.

5. Mức không chế lãi vay

Vấn đề:

Nghị định 20/2017/NĐ-CP và Thông tư 41/2017/TT-BTC có hiệu lực từ 1/5/2017 với đối tượng áp dụng là đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương pháp kê khai và có phát sinh giao dịch với các bên có quan hệ liên kết. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định 20, tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ của người nộp thuế được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp không vượt quá 20% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng với chi phí lãi vay, chi phí khấu hao trong kỳ của người nộp thuế. Quy định này, hiện nay được cơ quan thuế địa phương áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp có phát sinh giao dịch liên kết, bao gồm cả doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp FDI. Tại Việt Nam, nhiều doanh nghiệp hoạt động theo mô hình mẹ - con thường phát sinh các giao dịch cho vay theo mô hình công ty mẹ đi vay và cho công ty con vay lại. Do đó, các doanh nghiệp này chịu ảnh hưởng lớn từ quy định không chế này của Nghị định 20.

Cần nhấn mạnh rằng quy định không chế chi phí lãi vay này được Việt Nam tham khảo và áp dụng theo hướng dẫn của OECD và Hành động số 4 của Diễn đàn hợp tác triển khai chống sói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận (“BEPS”). Tháng 6 năm 2017, Việt Nam đã chính thức tuyên bố tham gia và trở thành thành viên thứ 100 của Diễn đàn hợp tác thực hiện BEPS, do đó, việc điều chỉnh các quy định của nội luật phù hợp với các thông lệ tốt của quốc tế này là cần thiết.

Nghị định 20 được ban hành với mục đích đưa các quy định về xác định giá giữa các giao dịch liên kết tại Việt Nam đến gần hơn so với quy định thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, chúng tôi muốn nhấn mạnh rằng các quy định trong OECD chỉ cung cấp các hướng dẫn chung để các quốc gia có thể áp dụng tùy theo điều kiện và bối cảnh riêng.

Đối với quy định được phép tính mức khống chế lãi vay ròng thay vì lãi vay thuần, theo hướng dẫn của BEPS, việc sử dụng lãi vay ròng có thể giúp giảm rủi ro nộp thuế hai lần (doanh thu từ lãi vay sẽ bù trừ với chi phí lãi vay trước khi mức khống chế được áp dụng). Tuy nhiên, cũng theo OECD, một doanh nghiệp phát sinh chi phí lãi vay ròng thấp không có nghĩa là không có dấu hiệu rủi ro về sới mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận. Ví dụ, doanh nghiệp có thể lợi dụng chi phí lãi vay để bù trừ thu nhập từ lãi vay, hoặc điều chuyển các nguồn thu nhập khác thành thu nhập lãi vay để bù trừ chi phí lãi vay, điều chỉnh chi phí lãi vay ròng. Chính vì vậy, hướng dẫn OECD vẫn khuyến nghị các quốc gia nên có các quy định về giới hạn chi phí lãi vay thuần khống chế trong các trường hợp nhất định.

Đề xuất:

Quy định về việc khống chế chi phí lãi vay theo Nghị định 20 hiện nay vẫn còn một số bất cập và có thể gây nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp trong nước và FDI. Quy định này có thể được điều chỉnh một cách mềm mỏng hơn như một số hướng dẫn trong OECD để phù hợp cho nhiều trường hợp khác nhau :

- Có thể cho phép doanh nghiệp chuyển chi phí lãi vay sang kỳ sau khi chi phí lãi vay vượt mức khống chế. Theo Hành động 4 của BEPS, các thực hành tốt nhất không quy định một quốc gia phải cho phép chuyển các chi phí vượt mức khống chế này sang năm tiếp theo. Do vậy, phương thức này có thể được từng quốc gia xem xét để áp dụng, tùy theo điều kiện kinh tế riêng.
- Đối với Tập đoàn hoạt động theo mô hình công ty mẹ-công ty con, Có thể áp dụng tỷ lệ Chi phí lãi vay với bên thứ ba / EBITDA trên báo cáo tài chính hợp nhất và áp dụng tỷ lệ cho từng công ty trong tập đoàn (Group ratio rule – quy định về tỷ lệ nhóm). Mục đích của hướng dẫn này theo OECD là để đảm bảo tổng chi phí lãi vay được trừ không vượt quá chi phí lãi vay thực tế trả cho bên thứ ba. Theo hướng dẫn này, sau khi tỷ lệ Chi phí lãi vay với bên thứ ba / EBITDA được tính, tỷ lệ này sẽ còn phải được xem xét và đánh giá đối với từng thành viên trong tập đoàn trước khi được dùng để điều chỉnh các chỉ tiêu thuế.
- Có thể có những Phương pháp đặc biệt đối với các công ty mới đi vào hoạt động/mới có doanh thu.

6. Miễn thuế đối với nguyên vật liệu (NVL) nhập khẩu sản xuất xuất khẩu (SXXK)

Vấn đề:

Theo quy định hiện hành, nguyên liệu, vật tư nhập khẩu cho mục đích SXXK được miễn thuế nhập khẩu. Tuy nhiên, theo hướng dẫn tại các Công văn gần đây (Công văn 5826/TCHQ-TXNK ngày 05/10/2018), chính sách miễn thuế này không áp dụng cho trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa là nguyên liệu, vật tư để SXXK và sản phẩm sản xuất ra được xuất khẩu tại chỗ để giao cho doanh nghiệp khác ở Việt nam theo chỉ định của thương nhân nước ngoài.

Theo Công văn 5826/TCHQ-TXNK, Tổng cục Hải quan có quan điểm rằng xuất khẩu tại chỗ không phải hoạt động xuất khẩu dựa vào định nghĩa hoạt động xuất nhập khẩu nêu tại Điều 28 Luật Thương mại số 36/2005/QH11, theo đó quy định hoạt động xuất khẩu là việc xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài, hoặc vào khu vực đặc biệt được xác định là khu vực hải quan đặc biệt theo quy định của pháp luật. Theo đó, xuất khẩu tại chỗ không được hưởng quy chế miễn thuế nhập khẩu và thuế GTGT áp dụng cho việc nhập khẩu nguyên phụ liệu để sản xuất hàng xuất khẩu như quy định tại Điều 12 Nghị định 134/2016/NĐ-CP.

Chúng tôi cho rằng Tổng cục Hải quan đang tạo ra một nghịch lý đi ngược lại các nguyên tắc pháp lý cơ bản như sau:

Nếu xuất khẩu tại chỗ không được công nhận là hoạt động xuất khẩu, thì nhập khẩu tại chỗ cũng cần được công nhận không phải hoạt động nhập khẩu, hoặc ngược lại

Theo quy định của các văn bản hiện hành, xuất khẩu tại chỗ bắt buộc đi kèm với nhập khẩu tại chỗ để tạo thành cơ chế xuất nhập khẩu tại chỗ. Nếu không có hoạt động xuất khẩu tại chỗ, hoạt động nhập khẩu tại chỗ cũng không tồn tại.

Nghịch lý tồn tại ở chính điểm này khi các công ty thực hiện hoạt động nhập khẩu tại chỗ đồng thời với hoạt động xuất khẩu tại chỗ đang được đề cập. Cụ thể, một mặt thì cơ quan hải quan từ chối dành sự đối xử như hoạt động xuất khẩu cho hoạt động xuất khẩu tại chỗ nhằm loại bỏ việc áp dụng quy chế miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên phụ liệu nhập khẩu. Mặt khác, cơ quan hải quan vẫn áp thuế nhập khẩu đối với hoạt động nhập khẩu tại chỗ, vốn chỉ có thể áp dụng nếu hoạt động nhập khẩu tại chỗ được công nhận là hoạt động nhập khẩu.

Nói cách khác, bằng cách áp dụng cách suy luận tương tự của Tổng cục Hải quan, một khi cơ quan hải quan từ chối công nhận hoạt động xuất khẩu tại chỗ là hoạt động xuất khẩu, thì cơ quan hải quan cũng nên dừng việc áp thuế nhập khẩu đối với hoạt động nhập khẩu tại chỗ.

Còn nếu cơ quan hải quan công nhận hoạt động nhập khẩu tại chỗ là hoạt động nhập khẩu để áp thuế nhập khẩu, thì không có lý do gì hoặc cơ sở pháp lý nào để cơ quan hải quan từ chối công nhận hoạt động xuất khẩu tại chỗ là hoạt động xuất khẩu.

Đánh thuế hai lần đối với nguyên phụ liệu nhập khẩu và thuế đánh chồng lên thuế

Như đề cập ở trên, nguyên phụ liệu nhập khẩu do công ty thực hiện SX XK không được miễn thuế nhập khẩu. Thêm vào đó, Công ty tại Việt Nam được giao thành phẩm theo chỉ định của thương nhân nước ngoài phải trả thuế nhập khẩu khi nhập khẩu sản phẩm. Rõ ràng, NVL nhập khẩu chỉ được thực nhập khẩu vào Việt Nam một lần nhưng phải chịu thuế nhập khẩu hai lần, điều này là hoàn toàn bất hợp lý.

Không đồng nhất giữa các văn bản pháp luật

Theo quy định tại Điều 12 Nghị định 134/2016/ND-CP quy định về miễn thuế nhập khẩu, một trong các điều kiện để được hưởng miễn thuế khi nhập khẩu hàng hóa sản xuất hàng xuất khẩu là hàng hóa đó đã thực tế được xuất khẩu. Theo đó, bản thân Điều 12 Nghị định 134/2016/ND-CP không tạo ra sự phân biệt đối xử giữa xuất khẩu tại chỗ và các hoạt động xuất khẩu khác. Thay vào đó, hướng dẫn như nêu tại Công văn 5826/TCHQ-TXNK hoàn toàn chỉ là sự diễn giải của Tổng cục Hải quan dựa vào định nghĩa khái quát về xuất khẩu quy định tại Luật Thương mại.

Rõ ràng, cách diễn giải này mâu thuẫn với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành trong cả lĩnh vực thuế và hải quan. Cụ thể, Điều 8 Luật Thuế GTGT cho phép áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 0% cho hàng hóa xuất khẩu, và Nghị định 209/2013/ND-CP (Điều 6.1) và Thông tư 219/2013/TT-BTC (Điều 9.1) công nhận xuất khẩu tại chỗ là một hình thức xuất khẩu.

Hơn nữa, theo Thông tư 38/2015/TT-BTC và Thông tư 39/2018/TT-BTC, xuất khẩu tại chỗ phải thực hiện các thủ tục xuất khẩu tương đồng với các thủ tục áp dụng đối với hoạt động xuất khẩu khác.

Đề xuất:

Tổng cục Hải quan cần công nhận xuất khẩu tại chỗ là hoạt động xuất khẩu, và dành quy chế miễn thuế nhập khẩu và thuế GTGT cho nguyên phụ liệu nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu tại chỗ.

7. Quyền xuất khẩu tại chỗ đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài:

Vấn đề:

Theo quy định hiện hành về hoạt động mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam có quyền xuất khẩu được xuất khẩu hàng hóa mua tại Việt Nam; hàng hóa do tổ chức kinh tế đó đặt gia công tại Việt Nam và hàng hóa nhập khẩu hợp pháp vào Việt Nam ra nước ngoài và khu vực hải quan riêng khi đáp ứng được một số điều kiện nhất định.

Căn cứ vào quy định tại Thông tư 04/2007/TT-BTM của Bộ Thương mại này là Bộ Công thương, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thực hiện xuất khẩu tại chỗ hàng hóa do doanh nghiệp sản xuất tại Việt Nam khi đáp ứng được một số điều kiện nhất định.

Tuy nhiên, Thông tư 04/2007/TT-BTM hiện tại đã hết hiệu lực và chưa có quy định mới thay thế. Đồng thời, các quy định hiện hành không quy định cụ thể về hoạt động xuất nhập khẩu tại chỗ và hàng hóa được xuất nhập khẩu tại chỗ của tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài.

Thiếu sót trong quy định hiện hành gây khó khăn cho cả doanh nghiệp lẫn cơ quan hải quan địa phương khi thực hiện thủ tục hải quan.

Đề xuất:

Bộ Công thương và Tổng cục Hải quan trao đổi và có hướng dẫn cụ thể thống nhất về vấn đề này tạo điều kiện cho doanh nghiệp tuân thủ và làm cơ sở cho các cơ quan hải quan địa phương thực hiện.

8. Cưỡng chế tiền phạt hành chính và chậm nộp khi mức thuế suất cao hơn bị ấn định cho hàng xuất nhập khẩu tại chỗ

Vấn đề:

Gần đây trong cộng đồng doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu tại chỗ, vấn đề nóng và gây nhiều tranh cãi nhất đó là việc áp dụng thuế suất nhập khẩu nào (ưu đãi đặc biệt, ưu đãi, phổ thông) trong trường hợp có Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) hợp lệ.

Một số doanh nghiệp đã áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định tự do thương mại cho các lô hàng nhập khẩu tại chỗ có C/O được xuất trình đúng hạn, tờ khai đã được cơ quan hải quan kiểm tra và đóng dấu xác nhận trong quá trình thông quan, việc này đã được thực hiện trong suốt giai đoạn trước. Tuy nhiên, từ cuối năm 2017, một số cơ quan hải quan địa phương lại kết luận rằng trường hợp nhập khẩu tại chỗ nêu trên không được áp dụng thuế suất nhập khẩu ưu đãi đặc biệt (thuế suất FTA), mà phải áp dụng thuế suất ưu đãi (thuế suất MFN) từ ngày 1/9/2016 tới nay theo Nghị định 129/2016/NĐ-CP. Theo đó, các doanh nghiệp đã bị ấn định bổ sung thuế nhập khẩu và thuế GTGT cho hàng hóa nhập khẩu tại chỗ theo quyết định của cơ quan hải quan địa phương.

Mặc dù nhận thấy do có sự không thống nhất về chính sách và hướng dẫn và được biết cơ quan cấp cao đang làm việc để đưa ra xử lý phù hợp, các doanh nghiệp vẫn chấp nhận nộp khoản thuế nhập khẩu bổ sung theo mức thuế suất MFN thay vì thuế suất ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định thương mại để bày tỏ sự tuân thủ và tinh thần sẵn sàng hợp tác. Nhưng thiện chí nộp thuế bổ sung của các doanh nghiệp này lại dẫn đến một hệ lụy là cơ quan hải quan địa phương yêu cầu truy thu tiếp tiền phạt, tiền chậm nộp, nặng nề hơn là sẽ kéo theo toàn bộ hoạt động xuất, nhập khẩu bị đình trệ do bị hải quan thi hành biện pháp cưỡng chế thủ tục hải quan cũng như cấm xuất cảnh đối với các vị trí quản lý doanh nghiệp.

Thay vì nhập khẩu tại chỗ hàng hóa từ Việt Nam và bị áp dụng mức thuế suất không ưu đãi như hướng dẫn hiện hành, doanh nghiệp có thể dễ dàng nhập khẩu cùng loại hàng hóa từ các nước được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định thương mại tự do. Vì vậy, yêu cầu thực hiện áp dụng thuế suất hiện tại tuy có thể mang đến lợi ích ngắn hạn cho cơ quan hải quan trong việc thu ngân sách nhưng về dài hạn vô hình chung sẽ hạn chế tiêu thụ hàng hóa trong nước, đi ngược lại chủ trương phát triển kinh tế của Chính phủ.

Đề xuất:

Khẩn thiết đề nghị Chính phủ, Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan, với tư cách là những cơ quan có thẩm quyền cao nhất xem xét và có ý kiến chỉ đạo để xóa nợ tiền phạt và tiền chậm nộp cho các doanh nghiệp như trình bày, tránh dẫn tới việc doanh nghiệp bị cưỡng chế, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh tại Việt Nam cũng như xem xét về việc áp dụng thuế suất nhập khẩu phù hợp trong trường hợp xuất nhập khẩu tại chỗ đang là bất cập lớn với cộng đồng doanh nghiệp.

9. Xử phạt đối với hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn

Vấn đề

Theo quy định tại Điều 107 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Điều 12 Thông tư 166/2013/TT-BTC quy định chi tiết về xử phạt vi phạm hành chính về thuế thì người nộp thuế nếu khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng tiền thuế được hoàn sẽ bị xử phạt 20% số tiền thuế khai thiếu. Như vậy, việc khai sai nếu không dẫn đến nộp thiếu thuế thì sẽ không bị xử phạt 20% mà chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính, điều này rất phù hợp về đạo lý. Tuy nhiên, trên thực tế chúng tôi thấy có hiện tượng Cục thuế Hà Nội có quan điểm áp dụng phạt 20% trên số thuế khai thiếu đối với trường hợp doanh nghiệp đã tạm tính và nộp thừa số thuế phát sinh nhưng số thuế kê khai trên tờ khai thuế chưa đủ. Điều này đã gây ra bất bình đẳng và giảm lòng tin của người nộp thuế đối với việc thực thi chính sách thuế.

Đề xuất

Để tránh mất lòng tin của người nộp thuế, đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn Tổng Cục thuế và các Cục thuế địa phương thực hiện đúng tinh thần của Luật. Bên cạnh đó, để tránh hiểu lầm thì Bộ Tài chính nên viết rõ trong dự thảo Luật quản lý thuế tới đây về vấn đề này.

10. Chuyển giá

Vấn đề:

Nghị định 20 và Thông tư hướng dẫn 41, có hiệu lực từ năm 2017 đều dựa trên nguyên tắc định giá chuyển nhượng của OECD. Tuy nhiên, các quy định của Việt Nam khác với luật và thủ tục của OECD ở một khía cạnh quan trọng, thiếu cơ chế thỏa thuận xác định giá trước. Thay vào đó, các cơ quan thuế Việt Nam áp dụng giá của chính họ dựa trên cơ sở dữ liệu của họ. Điều này đã gây ra sự không ổn định và rủi ro lớn cho các doanh nghiệp bởi vì họ không biết trước được cơ quan thuế của Việt Nam cân nhắc mức giá nào là “thích hợp” và do đó phải chịu các khoản thanh toán không mong muốn kèm với hình phạt và lãi suất. Ngoài ra, khi doanh nghiệp được thông báo từ cơ quan thuế diễn giải về mức giá hợp lý, họ thường hoàn toàn không có cơ sở rõ ràng vì dữ liệu mà cơ quan thuế dựa trên kết luận của họ không được tiết lộ cho doanh nghiệp.

Đề xuất:

Một cơ cấu có sẵn rộng rãi mạnh mẽ để nhanh chóng ký kết thỏa thuận xác định giá trước (APA's) là rất cần thiết và khẩn cấp và không cần thông qua của Thủ tướng Chính phủ. Nếu cơ quan thuế có thể nhanh chóng xác định việc diễn giải một mức giá phù hợp tại thời điểm kiểm toán, tại sao họ không thể đưa ra giá trước khi giao dịch ban đầu? Cơ quan thuế có khả năng để

tạo ra sự chắc chắn này, nhưng có vẻ miễn cưỡng làm như vậy vì những lý do không rõ ràng. Ngoài ra, nguồn giá cả từ GDT hoặc GDC nên được thông báo với các doanh nghiệp để mà khi các thỏa thuận xác định giá trước đạt được cả hai bên đều cùng hiểu cơ sở tính toán của người khác nếu chúng khác nhau.

11. Xử lý PE (Cơ sở Thường trú) và tôn trọng các nghĩa vụ hiệp ước

Vấn đề:

Việt Nam cho phép các doanh nghiệp tự đánh giá các lợi ích mà họ được hưởng theo các hiệp định thuế liên quan với các quốc gia liên quan. Tuy nhiên, tại thời điểm kiểm toán, sự tự đánh giá của các doanh nghiệp thường không được cơ quan thuế chấp nhận mà không đưa ra những giải thích hợp lý. Ngoài ra, định nghĩa của có cơ sở thường trú vẫn còn mơ hồ, ví dụ "kiểm soát" về giá cả. Như chúng tôi đã thông báo trước đây, nhiều thương hiệu quốc tế có mặt độc lập ở Việt Nam yêu cầu các nhà phân phối của họ tại Việt Nam và các nơi khác định giá sản phẩm trong phạm vi đã đăng ký để có tính nhất quán toàn cầu và / hoặc để đảm bảo các nhà phân phối của họ định giá sản phẩm một cách cạnh tranh.

Đề xuất:

Cải thiện việc triển khai các nghị định liên quan đến DTA và cải thiện giáo dục các cơ quan thuế địa phương. Ngoài ra, các định nghĩa của Cơ sở Thường trú phải rõ ràng hơn và thực tế hơn và loại trừ các định nghĩa nằm ngoài các tiêu chuẩn quốc tế.

12. Xử lý FCT cho tiền bản quyền là không phù hợp giữa thuế được cho là TNDN và GTGT

Vấn đề:

Đối với các mục đích của thuế được cho là TNDN, tiền bản quyền được coi là khoản khấu trừ và được khấu trừ là 10%. Tuy nhiên, trong trường hợp thuế được cho là GTGT, tiền bản quyền được xem như là dịch vụ và đánh thuế 5%. Điều này bất chấp logic. Theo nguyên tắc coi trọng nội dung hơn hình thức, nội dung của chi phí không thay đổi dựa trên việc liệu nó đang được đánh giá để định giá GTGT hay thuế TNDN. Tiền bản quyền không phải là dịch vụ.

Đề xuất:

Tiền bản quyền được xử lý như trong việc đánh giá thuế được cho là TNDN và hướng xử lý nên áp dụng một cách nhất quán để đánh giá thuế được cho là VAT.

13. Ứng dụng hồi tố của các luật làm suy yếu sự tự tin của doanh nghiệp

Vấn đề:

Các doanh nghiệp đưa ra quyết định về giao dịch và đầu tư dựa và các điều kiện có sẵn hoặc các dự đoán hợp lý trong tương lai, bao gồm cả các điều kiện về thuế. Những nhà kinh doanh hoạt động tốt, đã thành lập cách kinh doanh và dựa vào luật trước đây thì không nên chịu rủi ro và sự bất định của việc có luật thuế mới áp dụng cho các giao dịch trước đó và sau đó áp dụng hình phạt và lãi suất.

Đề xuất:

Các điều luật thuế mới không nên áp dụng hồi tố và chỉ nên có hiệu lực sau khi đã có khoảng thời gian giáo dục các bên liên quan.

14. Giảm thuế TNDN đối với các công ty nằm trong khu kinh tế

Vấn đề:

Thuế TNDN đối với các công ty đặt tại khu kinh tế được giảm 50%. Tuy nhiên, nghị định 82/2018 / ND-CP được ban hành tháng 05 về việc loại bỏ mức giảm 50% này. Nghị định mới này có hiệu lực vào tháng 07. Sự thay đổi này mang lại chi phí thuế không mong đợi cho các nhà đầu tư.

Đề xuất:

Chúng tôi yêu cầu chính phủ Việt Nam phải tuân thủ Điều 13.2 của luật đầu tư và xác nhận rằng các công ty được thành lập trước ngày của Nghị định có hiệu lực có thể tiếp tục được hưởng ưu đãi này.

15. Áp dụng phương pháp FCT khác nhau cho các hợp đồng khác nhau.

Vấn đề:

Thông tư 156/2013 / TT-BTC yêu cầu các nhà thầu nước ngoài áp dụng cùng một phương thức FCT cho các hợp đồng tiếp theo như hợp đồng hiện thời cho đến khi hợp đồng đầu tiên hoàn thành. Điều này là không thực tế vì nhiều lý do khác nhau. Nếu các nhà thầu có chuỗi hợp đồng liên tục, phương pháp chọn cho một hợp đồng có thể phải áp dụng trong nhiều năm tiếp theo, ngay cả khi phương pháp đó không phù hợp dựa trên các điều kiện của hợp đồng trong tương lai.

Đề xuất:

Chính phủ nên cho phép các nhà thầu áp dụng phương pháp FCT cho từng hợp đồng riêng lẻ.

16. Việc áp thuế đối với đồ uống có đường

Vấn đề:

Trong những năm gần đây, Chính Phủ đã xem xét việc đánh thuế đối với đồ uống có đường (“ĐUCĐ”) vì các lý do sức khỏe và để tăng nguồn thu thuế. Một đề xuất của Chính Phủ là thuế tiêu thụ đặc biệt đáng kể sẽ được áp dụng đối với ĐUCĐ. Kết quả của việc áp thuế có thể sẽ không hoàn toàn đạt được mục tiêu tăng doanh thu thuế và sẽ có nhiều hệ quả tiêu cực.

- Thực tiễn quốc tế cho thấy rằng thuế không là một cách thức phổ biến toàn cầu và khu vực để giải quyết bệnh béo phì.
- 86% các nước ASEAN không có thuế đối với ĐUCĐ, 97.8% các nước Châu Á nói chung cũng không có thuế đối với ĐUCĐ.
- Một số quốc gia có áp dụng thuế với ĐUCĐ sau đó đã thu hồi lại việc áp thuế này do không hiệu quả hoặc nặng nề.
- Trong chừng mực thuế được áp dụng, nhiều nhà sản xuất và nhà cung cấp nhỏ sẽ gặp khó khăn do họ sẽ ít có khả năng để cạnh tranh với những nhà sản xuất và cung cấp lớn.
- Thuế được đề xuất là lũy thoái. Có nghĩa là, người tiêu dùng có thu nhập thấp nhất sẽ trả một phần cao hơn trong thu nhập của mình cho thuế cao hơn so với những người có thu nhập cao. Vấn đề này cần được Chính Phủ quan tâm.

Đề xuất:

Chính Phủ nên khuyến khích giáo dục sức khỏe trong cộng đồng như một hướng dẫn cụ thể để cải thiện sức khỏe. Nên xem xét các nghiên cứu khác để xác định mức độ của bệnh béo phì ở Việt Nam và những nguyên nhân chính của bệnh béo phì ở Việt Nam. Việt Nam có thể học hỏi từ các quốc gia khác. Chúng tôi kiến nghị rằng để đạt được mục tiêu sức khỏe tốt, Chính Phủ xem xét việc giáo dục và dán nhãn dinh dưỡng.

ĐỀ XUẤT CHUNG CHO HẢI QUAN

- Ưu tiên triển khai hệ thống trái phiếu hải quan theo TFA Article 7.3.
- Thực hiện đầy đủ vào những ngày đầu các cam kết TFA về Quy định nâng cao để định giá cũng như phân loại.
- Thực hiện đầy đủ các cam kết TFA cho các nhà điều hành kinh tế được ủy quyền và thực hiện trên cơ sở rộng nhất có thể, mang lại lợi thế cho nhiều người chứ không phải là vài nhà khai thác kinh tế.
- Ký kết Thỏa thuận hỗ trợ lẫn nhau của Hải quan giữa CBP và GDVC của Hoa Kỳ, cam kết trong TFA, Sec. I, Điều 12. [1] Điều này sẽ cung cấp một khuôn khổ cho sự hỗ trợ kỹ thuật thương mại đáng kể của Hoa Kỳ trực tiếp từ CBP đến GDVC